



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 58

5011726  
CÔNG TY  
HỮU  
VỤ TƯ  
ÍNH KẾ  
KIỂM TO  
HÓA NAI  
- TP. HỒ

5011726  
CÔNG TY  
HỮU  
VỤ TƯ  
ÍNH KẾ  
KIỂM TO  
HÓA NAI  
- TP. HỒ

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) trình bày báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Tổng công ty**

Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-TNHH Một thành viên (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0300585984, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014 với vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.218.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Tổng công ty tại 31/12/2015 là: 1.218.000.000.000 đồng.

**Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:** Tổng giám đốc.

### **• Trụ sở chính**

Địa chỉ : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Số điện thoại : 08 38 294 513 – 08 38 230 296  
Số Fax : 08 38 293 586  
Mã số thuế : 0300585984

### **• Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ : Số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội  
Số điện thoại : 04 38 452 721  
Số Fax : 04 37 338 598

### **Hoạt động chính của Tổng công ty là:**

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay xát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).



# TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP.HCM

- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

## Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### Hội đồng quản trị Tổng công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Trần Kim Thành	Trung Quốc	Chủ tịch	29/11/2014
- Ông Trần Lệ Nguyên	Trung Quốc	Thành viên	29/11/2014
- Ông Nguyễn Hùng Cường	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Ông Đinh Quốc Hưng	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014

### Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Việt Nam	Tổng giám đốc	15/09/2015	-
- Ông Đỗ Ngọc Khải	Việt Nam	Tổng giám đốc	01/01/2015	14/9/2015
- Ông Nguyễn Hùng Cường	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-
- Ông Dương Anh Tuấn	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-
- Ông Đinh Quốc Hưng	Việt Nam	Phó tổng giám đốc	01/01/2015	-

### Ban kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Việt Nam	Trưởng ban	29/11/2014
- Bà Nguyễn Thị Oanh	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014
- Ông Văn Tích Vĩnh	Việt Nam	Thành viên	29/11/2014

### Kế toán trưởng

Ông Hồ Minh Sơn	Việt Nam	Kế toán trưởng kiểm Giám đốc tài chính	01/01/2015
-----------------	----------	---	------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban lãnh đạo điều hành Tổng công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



# TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, TP.HCM

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016



NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU



Số: 120 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính năm 2015**của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.***Kính gửi : CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty), được lập ngày 15 / 03 / 2016, từ trang 06 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ

và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 6.15. Chi phí trả trước dài hạn, năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tổng công ty phân bổ lợi thế kinh doanh với thời hạn là 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 (về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần). Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 3 năm. Nếu Tổng công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh là 03 năm, chỉ tiêu Chi phí quản lý sẽ tăng khoảng 5.968 triệu đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm một khoản tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty cổ phần tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**



**Phó Tổng Giám Đốc**

**Đình Thế Đường**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0342-2013-142-1

**Kiểm toán viên**

**Lưu Vinh Khoa**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0166-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>869.158.957.876</b>	<b>1.247.749.487.747</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>85.329.190.049</b>	<b>302.909.801.505</b>
1. Tiền	111	6.1	55.199.190.049	302.909.801.505
2. Các khoản tương đương tiền	112	6.1	30.130.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>500.033.549.082</b>	<b>658.495.355.419</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.2	337.499.078.031	533.275.208.878
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.3	2.475.636.938	11.920.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.4.1	164.644.033.390	125.208.226.541
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6.6	(5.642.232.000)	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6.7	1.057.032.723	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>260.537.201.308</b>	<b>262.894.217.992</b>
1. Hàng tồn kho	141	6.8	260.537.201.308	262.894.217.992
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.259.017.437</b>	<b>23.450.112.831</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		643.935.181	1.046.358.165
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.324.372.233	6.918.287.096
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	6.9	15.290.710.023	15.485.467.570
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.541.062.607.407</b>	<b>1.679.841.991.951</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>135.000.000</b>	<b>135.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.4.2	135.000.000	135.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>227.116.560.899</b>	<b>243.057.919.845</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.10	225.378.644.411	240.942.105.489
- Nguyên giá	222		410.111.533.098	395.116.401.701
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.732.888.687)	(154.174.296.212)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.11	1.737.916.488	2.115.814.356
- Nguyên giá	228		4.660.083.240	4.660.083.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.922.166.752)	(2.544.268.884)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>6.12</b>	<b>261.360.122</b>	<b>6.400.007.451</b>
- Nguyên giá	231		2.178.001.042	13.464.867.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.916.640.920)	(7.064.860.033)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25.793.636</b>	<b>2.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.13	25.793.636	2.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.14</b>	<b>1.287.378.456.185</b>	<b>1.401.530.208.709</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.14	537.235.235.800	536.435.235.800
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.14	865.094.972.909	865.094.972.909
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.14	(114.951.752.524)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.145.436.565</b>	<b>28.716.855.946</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.15	26.145.436.565	28.716.855.946
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.410.221.565.283</b>	<b>2.927.591.479.698</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.141.218.217.696</b>	<b>1.709.591.479.698</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.127.526.353.314</b>	<b>1.695.877.357.804</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>6.16</b>	210.118.567.602	44.655.570.836
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	<b>6.17</b>	3.649.532.171	2.021.576.975
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>6.9</b>	976.534.875	1.632.618.804
4. Phải trả người lao động	314		13.908.877.499	18.472.935.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	<b>6.18</b>	4.934.040.817	4.127.647.440
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>6.19</b>	273.755.361.537	558.401.639.008
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>6.20.1</b>	612.231.139.126	1.054.335.989.363
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.952.299.687	12.229.380.368
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.691.864.382</b>	<b>13.714.121.894</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		218.309.400	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>6.20.2</b>	13.473.554.982	13.714.121.894
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.269.003.347.587</b>	<b>1.218.000.000.000</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.21</b>	<b>1.269.003.347.587</b>	<b>1.218.000.000.000</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.003.347.587	-
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		51.003.347.587	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.410.221.565.283</b>	<b>2.927.591.479.698</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG

Kế toán trưởng



HỒ MINH SƠN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Xem TM 9.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	3.596.198.456.096	4.359.733.521.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	3.500.994.553	1.854.400.000
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	7.1	<b>3.592.697.461.543</b>	<b>4.357.879.121.684</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	3.435.176.249.998	4.224.815.056.542
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>157.521.211.545</b>	<b>133.064.065.142</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	172.890.456.911	551.623.200.961
7. Chi phí tài chính	22	7.4	159.263.869.423	88.481.307.569
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.399.778.109	42.918.353.187
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	44.488.279.337	53.977.378.505
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	77.550.626.920	78.848.592.242
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>49.108.892.776</b>	<b>463.379.987.787</b>
11. Thu nhập khác	31	7.7	3.313.177.476	9.308.429.603
12. Chi phí khác	32	7.8	1.418.722.665	1.618.171.831
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.894.454.811</b>	<b>7.690.257.772</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>51.003.347.587</b>	<b>471.070.245.559</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	-	116.371.363
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	-	-
<b>17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>51.003.347.587</b>	<b>470.953.874.196</b>

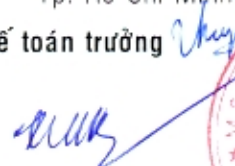
Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



HỒ MINH SƠN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>51.003.347.587</b>	<b>471.070.245.559</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu	02		25.788.271.230	21.057.815.634
- Các khoản dự phòng	03		120.593.984.524	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		951.727.131	1.155.534.830
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(169.755.575.483)	(524.084.167.672)
- Chi phí Lãi vay	06		23.399.778.109	42.918.353.187
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>51.981.533.098</b>	<b>12.117.781.538</b>
- (Tăng)/giảm Các khoản phải thu	09		189.465.591.448	117.332.486.339
- (Tăng)/giảm Hàng tồn kho	10		2.357.016.684	(22.112.463.635)
- (Tăng)/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(122.572.516.556)	(107.655.764.168)
- (Tăng)/giảm Chi phí trả trước	12		2.973.842.365	3.074.299.664
- Tiền Lãi vay đã trả	14		(23.474.927.165)	(43.349.326.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		265.750.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.510.550.001)	(23.141.996.147)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>96.485.739.873</b>	<b>(63.734.983.140)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.694.157.308)	(8.623.836.108)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	178.311.080.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.803.530.383	153.397.703.533
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>128.309.373.075</b>	<b>323.084.947.425</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	953.400.923.939
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(953.171.570.340)
- Tiền thu từ đi vay	33	8.2	1.813.811.031.743	3.651.662.982.268
- Tiền trả nợ gốc vay	34	8.3	(2.256.156.448.892)	(3.750.695.717.720)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(442.345.417.149)</b>	<b>(98.803.381.853)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(217.550.304.201)</b>	<b>160.546.582.432</b>
<b>Tiến và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>302.909.801.505</b>	<b>142.066.285.155</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(30.307.255)	296.933.918
<b>Tiến và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>85.329.190.049</b>	<b>302.909.801.505</b>

Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



HỒ MINH SƠN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**1. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-Công ty cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam-TNHH Một thành viên (do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ). Tổng công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0300585984, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 31/12/2014 với vốn điều lệ của Tổng công ty là 1.218.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Tổng công ty tại 31/12/2015 là: 1.218.000.000.000 đồng.

**Ngành, nghề kinh doanh :**

- Sản xuất, kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu.
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư, nguyên liệu, dầu thực vật, sản phẩm tinh dầu, nông lâm sản có dầu và vật tư thiết bị chuyên dùng phục vụ cho nhiệm vụ của Tổng công ty.
- Khai thác và cung cấp các dịch vụ cảng để xuất nhập khẩu dầu thực vật và các loại hàng hoá khác.
- Đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu cây có dầu.
- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì.
- Chế biến thức ăn chăn nuôi (gia súc, gia cầm, thủy sản).
- Chế biến lương thực, thực phẩm (xay sát lúa mì, mì ăn liền, bánh kẹo, sữa).
- Sản xuất diesel sinh học (biodiesel), bia, nước giải khát (không sản xuất tại trụ sở công ty).
- Cho thuê kho, bãi, nhà để làm văn phòng làm việc (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa.

**Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3. Chế độ kế toán áp dụng**



### **Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

Tổng công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015.

Một số chỉ tiêu, khoản mục của Báo cáo tài chính theo thông tư 200 có sự thay đổi so với Quyết định 15 được phân loại lại theo yêu cầu của Thông tư 200 (Xem thuyết minh số 9.10 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

### **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

### **4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **5. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

**Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.



## **5.2. Nguyên tắc xác định các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Tổng công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Tổng công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư

này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **5.3. Nguyên tắc xác định hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài sản được Tổng công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi



đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Tổng công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5.4. Nguyên tắc ghi nhận khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tổng công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tổng công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mua tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tổng công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tổng công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty).

#### **5.5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

##### **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi

505  
TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH  
5011726  
CÔNG TY  
HỮU HÌNH  
TỰ TƯ  
KẾ  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH

chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Tổng công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25	năm
Máy móc, thiết bị	05-12	năm
Thiết bị văn phòng	03-05	năm
Phương tiện vận tải	06	năm
Quyền sử dụng đất	46	năm
Phần mềm kế toán	08	năm

#### **5.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### **5.7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính, vốn hóa các khoản chi phí đi vay và chi phí khác**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tổng công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:**

- **Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.
- **Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.
- **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **5.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tổng công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Tổng công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Tổng Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

### **5.9. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **5.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;

011720  
CÔNG TY  
HỘI HỮU  
TƯ V  
H KẾ T  
M TOÁ  
A NAM  
P. HỒ C

70-72, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

**5.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được cấp bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi Tổng công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt

trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức :** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng công ty.

**Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành.

#### **5.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **5.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển lỗ.

##### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**5.14. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**5.15. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Tổng công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

TỔNG  
CÔNG  
NG  
SỞ  
VIỆT  
7-TP

011720  
CÔNG TY  
NHÌM HỮU  
VỤ TƯ V  
HÍNH KẾ T  
XIÊM TOÁ  
HÍA NAM  
TP. HỒ C

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Tổng công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

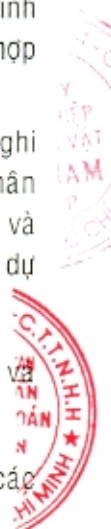
Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### 6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	232.625.500	1.081.772.844
+ Tiền mặt (VND)	232.625.500	1.081.772.844
<i>Tại quỹ VPCT</i>	179.028.738	1.069.278.710
<i>Tại Chi nhánh Hà Nội</i>	53.596.762	12.494.134
- Tiền gửi ngân hàng	54.966.564.549	301.828.028.661
+ Tiền gửi (VND)	40.404.059.892	274.359.453.436
+ Tiền gửi (USD)	14.562.504.657	27.468.575.225
- Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	30.130.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>85.329.190.049</b>	<b>302.909.801.505</b>

#### 6.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.2.1. Ngắn hạn</b>		
- Phải thu khách hàng (VND)	332.697.027.521	527.036.222.974
+ Công ty CP Dầu thực vật Tường An	282.838.056.468	356.358.190.793
+ Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	25.320.922.384	99.391.986.301
+ Công ty CP Trích ly dầu thực vật	-	55.152.086.016
+ Đối tượng khác	24.538.048.669	16.133.959.864
- Phải thu khách hàng (NGOẠI TỆ)	4.802.050.510	6.238.985.904
+ Mitsui and Co., Ltd	3.815.063.200	4.378.217.728
+ Sumitomo Coporation Asia & Oceania Pte.Ltd	968.246.050	1.860.768.176
+ Đối tượng khác	18.741.260	-
<b>Cộng</b>	<b>337.499.078.031</b>	<b>533.275.208.878</b>

#### 6.2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty CP Dầu thực vật Tường An	282.838.056.468	356.358.190.793
Công ty cổ phần Tập đoàn Kinh Đô	11.627.814.504	-
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	25.320.922.384	99.391.986.301
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	2.677.106.872	3.245.151.782
Công ty CP Trích ly Dầu thực vật	-	55.152.086.016
Công ty CP Thương mại Dầu thực vật	-	5.330.161.957
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	190.475.297	-
<b>Cộng</b>	<b>322.654.375.525</b>	<b>519.477.576.849</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trả trước người bán (VND)	2.094.141.698	11.920.000
+ Chi nhánh công ty TNHH Kỹ Thuật Công Nghệ DKSH	1.279.447.000	-
+ Công ty TNHH máy chiết rót và đóng gói Hòa Phát	343.500.000	-
+ Công ty TNHH TM đầu tư Iclick	255.000.000	-
+ Đối tượng khác	216.194.698	11.920.000
- Trả trước người bán (NGOẠI TỆ)	381.495.240	-
+ Amcor Flexibles China Co. Limited	381.495.240	-
<b>Cộng</b>	<b>2.475.636.938</b>	<b>11.920.000</b>

### 6.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6.4.1. Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	156.681.248.116	-	121.729.203.016	-
+ Công ty TNHH DTV Cái Lân	156.681.248.116	-	121.729.203.016	-
- Tạm ứng	185.782.246	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	88.280.000	-	38.280.000	-
+ Thuê kho	88.280.000	-	38.280.000	-
- Phải thu khác	7.688.723.028	(1.390.000.000)	3.440.743.525	-
+ Công ty cổ phần dầu thực vật Thủ Đức	1.390.000.000	(1.390.000.000)	1.390.000.000	-
+ Khoản thuế tư vệ được hoàn	221.178.529	-	877.904.229	-
+ Thu phí dịch vụ	33.223.952	-	-	-
+ Bảo hiểm bồi thường	1.948.192.065	-	-	-
+ Thuế nhập khẩu còn được hoàn	4.096.091.682	-	-	-
+ Khác	36.800	-	1.172.839.296	-
<b>Cộng</b>	<b>164.644.033.390</b>	<b>(1.390.000.000)</b>	<b>125.208.226.541</b>	<b>-</b>
<b>6.4.2. Dài hạn</b>				
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng cho Công ty Quản lý KD nhà Thành phố	135.000.000	-	135.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>	<b>135.000.000</b>	<b>-</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.5 NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức				
- Khoản phải thu của hợp đồng mua bán nguyên liệu	4.252.232.000	chưa xác định được	4.252.232.000	chưa xác định được
- Khoản phải thu khác	1.390.000.000	chưa xác định được	1.390.000.000	chưa xác định được
<b>Cộng</b>	<b>5.642.232.000</b>		<b>5.642.232.000</b>	

Tổng công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản nợ xấu này tại thời điểm cuối năm.

### 6.6 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	5.642.232.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.642.232.000</b>	<b>-</b>

### 6.7 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số lượng (tấn)	Số cuối năm	Số lượng (tấn)	Số đầu năm
Hàng tồn kho				
Nành thô	15,80	317.672.610	-	-
RBD Palm Olein	56,50	739.360.113	-	-
<b>Cộng</b>	<b>72,30</b>	<b>1.057.032.723</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Là khoản chênh lệch giữa vận đơn và số thực nhận đang trong giai đoạn chờ đơn vị bảo hiểm xem xét bồi thường.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.8 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	38.668.485.432	-	41.707.493.975	-
- Nguyên liệu, vật liệu	82.326.336.213	-	120.130.483.689	-
- Công cụ, dụng cụ	2.831.934.140	-	2.771.539.944	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	79.464.087.823	-	64.584.558.409	-
- Hàng hóa	57.246.357.700	-	33.700.141.975	-
<b>Cộng</b>	<b>260.537.201.308</b>	<b>-</b>	<b>262.894.217.992</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm và đầu năm;

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối năm và đầu năm .



*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Bù trừ với số đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>6.9.1. Thuế và các khoản phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	-	304.745.296.303	-	304.745.296.303	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	-	12.538.603	-	12.538.603	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.632.618.804	3.070.989.991	-	4.039.502.124	664.106.671
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	768.157.833	194.757.547	260.972.082	312.428.204
Thuế khác	-	83.409.016.825	-	83.409.016.825	-
<b>Cộng</b>	<b>1.632.618.804</b>	<b>392.005.999.555</b>	<b>194.757.547</b>	<b>392.467.325.937</b>	<b>976.534.875</b>

### 6.9.2. Thuế và các khoản phải thu

Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.523.592.480	-	11.523.592.480	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.290.710.023	-	-	-	15.290.710.023
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	194.757.547	-	194.757.547	-	-
Thuế khác	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.485.467.570</b>	<b>11.523.592.480</b>	<b>194.757.547</b>	<b>11.523.592.480</b>	<b>15.290.710.023</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHÍNH THỨC  
5011729  
CÔNG TY  
H NIỆM HỮU  
I VỤ TỰ V  
INH KẾ T  
KẾM TOÁN  
HIA NAM  
TP. HỒ C

*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.10 TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình		Cộng
						khác		
Số dư đầu năm		174.218.489.463	213.774.440.458	4.402.652.248	2.720.819.532	-	-	395.116.401.701
Số tăng trong năm		9.519.871.461	4.511.035.754	-	964.224.182	-	-	14.995.131.397
- Mua trong năm		1.099.885.454	1.659.513.500	-	204.075.364	-	-	2.963.474.318
- Đầu tư XDCB hoàn thành		576.823.637	-	-	-	-	-	576.823.637
- Chuyển từ BĐS đầu tư		7.843.162.370	2.851.522.254	-	760.148.818	-	-	11.454.833.442
Số giảm trong năm		-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		183.738.360.924	218.285.476.212	4.402.652.248	3.685.043.714	-	-	410.111.533.098
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư đầu năm		51.762.081.779	96.696.428.561	3.651.534.793	2.064.251.079	-	-	154.174.296.212
Số tăng trong năm		12.799.288.745	16.934.286.911	471.009.828	354.006.991	-	-	30.558.592.475
- Khấu hao trong năm		6.932.941.834	16.542.234.308	471.009.828	233.088.032	-	-	24.179.274.002
- Chuyển từ BĐS đầu tư		5.866.346.911	392.052.603	-	120.918.959	-	-	6.379.318.473
Số giảm trong năm		-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		64.561.370.524	113.630.715.472	4.122.544.621	2.418.258.070	-	-	184.732.888.687
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày đầu năm		122.456.407.684	117.078.011.897	751.117.455	656.568.453	-	-	240.942.105.489
Tại ngày cuối năm		119.176.990.400	104.654.760.740	280.107.627	1.266.785.644	-	-	225.378.644.411

**Ghi chú:**

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

Số cuối năm	Số đầu năm
: Không có	: Không có
: 192.079.350	: 3.531.179.372
: Không có	: Không có
: Không có	: Không có

*Handwritten signature*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	995.557.884	1.548.711.000	2.544.268.884
Số tăng trong năm	119.779.368	258.118.500	377.897.868
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.115.337.252	1.806.829.500	2.922.166.752
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.599.577.356	516.237.000	2.115.814.356
Tại ngày cuối năm	1.479.797.988	258.118.500	1.737.916.488

### 6.12 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	10.021.163.412	2.851.522.254	592.181.818	13.464.867.484
Số tăng trong năm	-	-	167.967.000	167.967.000
- Mua trong năm	-	-	167.967.000	167.967.000
Số giảm trong năm	7.843.162.370	2.851.522.254	760.148.818	11.454.833.442
- Chuyển sang TSCĐHH	7.843.162.370	2.851.522.254	760.148.818	11.454.833.442
Số dư cuối năm	2.178.001.042	-	-	2.178.001.042
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	6.954.098.547	102.536.739	8.224.747	7.064.860.033
Số tăng trong năm	828.889.284	289.515.864	112.694.212	1.231.099.360
- Khấu hao trong năm	828.889.284	289.515.864	112.694.212	1.231.099.360
Số giảm trong năm	5.866.346.911	392.052.603	120.918.959	6.379.318.473
- Chuyển sang TSCĐHH	5.866.346.911	392.052.603	120.918.959	6.379.318.473
Số dư cuối năm	1.916.640.920	-	-	1.916.640.920
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3.067.064.865	2.748.985.515	583.957.071	6.400.007.451
Tại ngày cuối năm	261.360.122	-	-	261.360.122

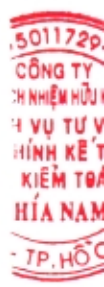
*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình nạo vét duy tu khu nước trước cầu tàu 20.000 DWT	25.793.636	-
Công trình cải tạo nhà căn tin Cảng Nhà Bè	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.793.636</u></b>	<b><u>2.000.000</u></b>



*Handwritten signature*





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2015

**6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>865.094.972.909</b>	<b>(47.192.438.524)</b>	<b>817.902.534.385</b>		<b>865.094.972.909</b>	-	<b>865.094.972.909</b>
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	49,00%	47.192.438.524	(47.192.438.524)	-	49,00%	47.192.438.524	-	47.192.438.524
Công ty TNHH DTV Cái Lân	24,00%	509.904.000.000	-	509.904.000.000	24,00%	509.904.000.000	-	509.904.000.000
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00%	67.321.827.562	-	67.321.827.562	40,00%	67.321.827.562	-	67.321.827.562
Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật Tân Bình	44,16%	67.829.760.000	-	67.829.760.000	44,16%	67.829.760.000	-	67.829.760.000
Công ty cổ phần Dầu thực vật Miền Bắc Việt Nam	17,84%	21.646.946.823	-	21.646.946.823	17,84%	21.646.946.823	-	21.646.946.823
Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam	30,00%	151.200.000.000	-	151.200.000.000	30,00%	151.200.000.000	-	151.200.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.402.330.208.709</b>	<b>(114.951.752.524)</b>	<b>1.287.378.456.185</b>		<b>1.401.530.208.709</b>	-	<b>1.401.530.208.709</b>

*(Handwritten signature)*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tóm tắt hoạt động của các công ty con năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015:

#### Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.593.394.587.425	4.123.378.365.725
2. Giá vốn hàng bán	3.240.464.495.826	3.694.420.727.772
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	3.792.788.910	9.428.075.022
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	271.134.661.512	362.324.028.795
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.698.116.942	3.642.701.735
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.286.335.939	79.704.385.915
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69.739.969.839	63.258.680.363

#### Công ty cổ phần Trích ly Dầu thực vật

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.296.803.642	199.124.563.969
2. Giá vốn hàng bán	131.658.360.941	195.673.815.998
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	3.596.153.510	5.267.547.430
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	4.170.457.854	4.280.147.392
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	(5.357.823)	255.890.831
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.058.780.534	4.694.038.841
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.518.506.617	3.480.693.461

#### Công ty cổ phần Thương mại Dầu thực vật

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.688.130.065	83.113.669.194
2. Giá vốn hàng bán	125.034.068.739	82.359.901.175
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	1.377.022.278	1.605.622.419
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	4.218.503.361	2.289.834.626
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	20.500.918	723.770.174
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(166.918.839)	793.325.986
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(190.138.839)	766.231.229

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tóm tắt hoạt động của các công ty liên kết, liên doanh năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015:

#### Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.776.770.624.733	1.792.190.617.522
2. Giá vốn hàng bán	1.595.112.003.694	1.633.965.100.657
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(20.237.098.071)	(4.757.287.169)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	143.145.762.992	153.494.366.852
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.051.387.929	533.021.430
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.327.147.905	506.884.274
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.340.740.805	847.717.551

#### Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.977.404.420.204	10.535.778.957.590
2. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	19.955.756.925	25.885.815.729
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.122.497.484.919	793.758.899.546
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	887.329.691.301	635.505.563.678

#### Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	942.098.215.000	873.260.708.101
2. Giá vốn hàng bán	409.291.117.000	387.790.315.088
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(2.939.807.000)	(2.599.524.844)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	489.316.481.000	458.497.459.315
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	1.851.851.000	1.151.315.217
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.280.985.000	25.524.724.071
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.176.714.000	18.569.344.534

*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.14 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tóm tắt hoạt động của các công ty liên kết, liên doanh năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015:

#### Công ty cổ phần Bao bì Dầu thực vật

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.631.280.823	298.309.762.914
2. Giá vốn hàng bán	235.721.675.603	247.978.311.979
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	(908.932.079)	(620.042.304)
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	28.728.224.918	24.426.767.524
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	64.366.358	404.394.353
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.336.814.581	25.689.035.460
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.705.981.145	23.485.765.756

#### Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình

Chỉ tiêu	Năm nay (chưa kiểm toán)	Năm trước
(1)	(2)	(3)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	753.987.078.540	965.604.840.166
2. Giá vốn hàng bán	703.043.088.221	909.436.210.298
3. Lợi nhuận thuần hoạt động tài chính	687.385.225	662.078.313
4. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	44.731.202.370	51.238.251.258
5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	3.579.538.299	8.064.026.638
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.479.711.473	13.656.483.561
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.510.261.625	10.618.558.785

#### Công ty TNHH DTV Khu vực Miền Bắc Việt Nam

Chưa có số liệu BCTC tại 31/12/2015.

- Các giao dịch chủ yếu giữa Tổng Công ty với công ty con, công ty liên doanh liên kết: Xem phần thuyết minh 9.3.2

*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.15 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
- Lợi thế kinh doanh (*)	25.579.484.425	-	2.557.948.440	23.021.535.985
- Chi phí nạo vét Cảng	1.763.343.012	-	881.671.506	881.671.506
- Chi phí bảo dưỡng phao neo	95.386.931	496.691.818	116.082.423	475.996.326
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	791.230.706	1.655.678.418	889.667.367	1.557.241.757
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	412.746.677	208.990.991	457.494.186	164.243.482
- Chi phí khác	74.664.195	-	29.916.686	44.747.509
<b>Cộng</b>	<b>28.716.855.946</b>	<b>2.361.361.227</b>	<b>4.932.780.608</b>	<b>26.145.436.565</b>

(\*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính, lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần không quá 03 năm.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ tài chính, giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong thời hạn không quá 10 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần. Căn cứ vào quy định này, Tổng công ty đã thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh theo thời hạn 10 năm.

### 6.16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

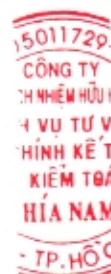
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>6.16.1. Ngắn hạn</b>				
Denali Trading PTE Ltd	134.154.893.239	134.154.893.239	-	-
Wilmar Trading PTE Ltd	29.724.386.487	29.724.386.487	39.930.395.917	39.930.395.917
Delima Oil Products SDN BHD	37.631.898.494	37.631.898.494	-	-
Đối tượng khác	8.607.389.382	8.607.389.382	4.725.174.919	4.725.174.919
<b>Cộng</b>	<b>210.118.567.602</b>	<b>210.118.567.602</b>	<b>44.655.570.836</b>	<b>44.655.570.836</b>

#### 6.16.2. Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty cổ phần Bao bì dầu thực vật	427.465.060	427.465.060	-	-
Công ty dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	-	-	1.217.872.781	1.217.872.781

### 6.17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại Cẩm Hương	274.994.600	262.213.600
Công ty TNHH Huy Mai	35.349.600	398.955.000
Korea Zo-Ming General Corporation	1.284.209.479	156.614.192
Công ty khác	2.054.978.492	1.203.794.183
<b>Cộng</b>	<b>3.649.532.171</b>	<b>2.021.576.975</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay phải trả	593.220.934	668.369.990
- Chi phí hỗ trợ bán hàng, vận chuyển	2.417.002.662	1.638.605.652
- Chi phí lò hơi	763.247.340	-
- Chi phí trưng bày sản phẩm	271.612.000	1.820.671.798
- Chi phí khác	888.957.881	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.934.040.817</u></b>	<b><u>4.127.647.440</u></b>

### 6.19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	199.146.791	199.146.791
- BHXH, BHYT, BHTN	-	32.370.137
- Phải trả cổ phần hóa	262.764.887.645	548.993.887.645
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.791.327.101	9.176.234.435
+ Khoản lãi phải trả nhà đầu tư	8.686.084.000	8.686.084.000
+ Khoản thuế được hoàn phải trả Công ty VOE	1.574.385.444	-
+ Khác	530.857.657	490.150.435
<b>Cộng</b>	<b><u>273.755.361.537</u></b>	<b><u>558.401.639.008</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
 TRỤ SỞ CHÍNH

BAN AN  
 TÀI CHÍNH  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

#### 6.20.1. Ngân hạn

Vay và nợ thuế	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Tp. HCM	-	-	610.406.068.192	1.243.769.641.120	633.363.572.928	633.363.572.928
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) (a)	188.952.911.739	188.952.911.739	548.810.272.684	618.652.315.526	258.794.954.581	258.794.954.581
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN 7 Tp. HCM (b)	386.111.166.457	386.111.166.457	610.192.877.537	385.336.552.173	161.254.841.093	161.254.841.093
Ngân hàng TMCP An Bình - SGD, Tp. HCM (c)	36.195.245.236	36.195.245.236	43.628.961.374	7.433.716.138	-	-
Công ty CP Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 (d)	971.815.694	971.815.694	1.006.184.820	956.989.887	922.620.761	922.620.761
<b>Cộng</b>	<b>612.231.139.126</b>	<b>612.231.139.126</b>	<b>1.814.044.364.607</b>	<b>2.256.149.214.844</b>	<b>1.054.335.989.363</b>	<b>1.054.335.989.363</b>

#### (a) Các hợp đồng vay gồm

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0417/HĐTD2-VIB601/14 ngày 3/10/2014:

- Hạn mức cho vay : 500.000.000.000 đồng, có thể giải ngân bằng ngoại tệ;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 2.960.293,82 usd # 66.725.022.703 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng kế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 2,5 %/năm ( đây là lãi suất cho vay VNĐ tham chiếu lãi suất USD)

- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Tài sản thế chấp : tín chấp;

*(Handwritten signature)*





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0447/HĐTD-VIB601/15 ngày 31/12/2015:

- Hạn mức cho vay : 300.000.000.000 đồng, có thể giải ngân bằng ngoại tệ;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 122.227.889.036 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng kế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 5 %/năm ( đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

(b) Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 15.56.0034/2015-HĐTDHM/NHCT924-VOCARIMEX ngày 19/8/2015:

- Hạn mức cho vay : 400.000.000.000 đồng;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 386.111.166.457 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng kế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 4,5 %/năm ( đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

(c) Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 1077/14/TD/1 ngày 25/5/2015:

- Hạn mức cho vay : 200.000.000.000 đồng;
- Số dư tại ngày 31/12/15 : 1.605.822,77 usd # 36.195.245.236 đồng;
- Lãi suất vay : được xác định theo từng kế ước nhận nợ, lãi suất của số dư tại ngày 31/12/15 là 2,5 %/năm ( đây là lãi suất cho vay VND tham chiếu lãi suất USD)
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Tài sản thế chấp : tín chấp;

(d) Theo hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại KCM Nhơn Trạch II số 115 ngày 12/05/1998 (góp vốn liên doanh thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG\_Vina) và Phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 327/PLHĐ-D2D ngày 22/11/2011, tiền thuê đất phải trả hàng năm là 43.153,45 usd # 971.815.694 đồng;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.20.2. Dài hạn

Nợ tiền thuế đất	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Phát triển đô thị Công nghiệp số 2 (i)	13.473.554.982	13.473.554.982	731.248.782	971.815.694	13.714.121.894	13.714.121.894
<b>Cộng</b>	<b>13.473.554.982</b>	<b>13.473.554.982</b>	<b>731.248.782</b>	<b>971.815.694</b>	<b>13.714.121.894</b>	<b>13.714.121.894</b>

### (i) Nợ tiền thuế đất của Công ty Xây dựng Dân dụng Xây dựng Công nghiệp số 2 theo Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II số 115 ngày 12/05/1998 :

- Thời hạn thuê đất là 30 năm.
- Diện tích đất thuê : 30.000 m<sup>2</sup> tại KCN Nhơn Trạch II, từ 13/01/2011 diện tích đất thuê được điều chỉnh lại là: 29.668 m<sup>2</sup>
- Tổng giá trị thuê lại đất của 30 năm theo diện tích đã điều chỉnh là 1,424,064,00 usd (đã có VAT).
- Số dư tại ngày 31/12/2015: 641,446,30 usd chưa bao gồm thuế GTGT; trong đó, đã chuyển sang khoản mục Nợ dài hạn đến hạn trả được thanh toán trong năm 2016 là 43,153,45 usd # 971.815.694 đồng, phần còn lại sẽ trả tiếp cho các năm tiếp theo là 598,292,85 usd # 13.473.554.982 đồng;
- Mục đích thuê đất là để góp vốn liên doanh thành lập Công ty LD Mỹ phẩm LG-VINA (nay là Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA).

*Handwritten signature*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

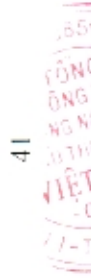
### 6.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 6.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quy đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>674.533.000.000</b>	<b>81.359.525.847</b>	<b>496.272.848.688</b>	-	<b>298.492.642</b>	<b>14.070.686.075</b>	<b>1.266.534.553.252</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	471.097.927.340	471.097.927.340
- Tăng vốn trong năm trước	543.467.000.000	1.780.368.020	-	-	-	-	545.247.368.020
- Tăng do quyết toán vốn Nhà nước và Thanh tra Bộ tài chính	-	-	120.469.086.574	-	-	133.939.279.892	254.408.366.466
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(21.862.888.056)	(21.862.888.056)
+ <i>Quy khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Tặng vốn</i>	-	-	-	-	-	(5.810.528.612)	(5.810.528.612)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo quyết toán vốn Nhà nước và thanh tra Bộ Tài chính	-	-	(548.993.887.645)	-	-	(591.434.476.639)	(1.140.428.364.284)
- Giảm khác	-	(83.139.893.867)	(67.748.047.617)	-	(298.492.642)	-	(151.186.434.126)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>1.218.000.000.000</b>	-	-	-	-	-	<b>1.218.000.000.000</b>
(Số dư đầu năm nay)	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	51.003.347.587	51.003.347.587
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.218.000.000.000</b>	-	-	-	-	<b>51.003.347.587</b>	<b>1.269.003.347.587</b>

*Handwritten signature*

41



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn Nhà nước	442.119.000.000	442.119.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn KIDO	292.320.000.000	292.320.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng	97.440.000.000	97.440.000.000
Cổ đông khác	386.121.000.000	386.121.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.218.000.000.000</b>	<b>1.218.000.000.000</b>

Công ty không phát hành trái phiếu

### 6.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

### 6.22.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.800.000	121.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	121.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

### 6.22.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	Chưa công bố	không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được	:	không phát sinh	không phát sinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 6.23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.23.1. Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	648,663,90	1,284,679.09
- EUR	-	-
<b>6.23.2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công</b>	20.110.264.290	16.841.763.964



*[Handwritten signature]*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

#### 7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
<b>7.1.1. Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng	3.521.620.091.840	4.291.072.033.199
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.578.364.256	68.661.488.485
<b>Cộng</b>	<b>3.596.198.456.096</b>	<b>4.359.733.521.684</b>

#### 7.1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty CP Dầu thực vật Tường An	2.225.341.491.690	2.777.304.618.460
Công ty CP Trích ly Dầu thực vật	126.299.226.060	192.137.955.358
Công ty CP Thương mại Dầu thực vật	51.345.026.829	65.850.738.173
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	548.670.044.908	798.997.988.990
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	5.297.793.136	47.316.684.382
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	53.358.353.080	58.549.101.784
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kinh Đô	171.888.427.608	-

#### CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	3.448.711.353	-
- Hàng bán bị trả lại	52.283.200	1.854.400.000
<b>Cộng</b>	<b>3.500.994.553</b>	<b>1.854.400.000</b>

#### DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	3.518.119.097.287	4.289.217.633.199
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.578.364.256	68.661.488.485
<b>Cộng</b>	<b>3.592.697.461.543</b>	<b>4.357.879.121.684</b>

#### 7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng	3.388.083.275.938	4.172.365.820.746
- Giá vốn dịch vụ khác	47.092.974.060	52.449.235.796
<b>Cộng</b>	<b>3.435.176.249.998</b>	<b>4.224.815.056.542</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.797.612.161	4.033.477.496
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	167.957.968.116	221.754.311.158
- Lãi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.134.876.634	2.101.863.289
- Thu nhập từ chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào Công ty TNHH DTV Cái Lân	-	75.047.273.707
- Chênh lệch định giá lại các khoản đầu tư dài hạn	-	248.686.275.311
<b>Cộng</b>	<b>172.890.456.911</b>	<b>551.623.200.961</b>
(i) Cổ tức, lợi nhuận được chia :		
+ Công ty CP Dầu thực vật Tường An	7.743.920.000	15.487.840.000
+ Công ty TNHH dầu thực vật Cái Lân (Calofic)	156.681.248.116	196.749.021.158
+ Công ty CP Bao bì Dầu thực vật	3.532.800.000	7.065.600.000
+ Công ty CP TM Dầu thực vật	-	198.900.000
+ Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	-	2.252.950.000
<b>Cộng</b>	<b>167.957.968.116</b>	<b>221.754.311.158</b>

### 7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi tiền vay	23.399.778.109	42.918.353.187
- Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.960.611.659	10.284.165.552
- Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	951.727.131	1.155.534.830
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	114.951.752.524	-
- Khoản lỗ từ việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Tân Bình	-	1.414.130.000
- Chênh lệch định giá lại khoản đầu tư vào Công ty CP Bao bì dầu thực vật	-	24.023.040.000
- Lãi phải trả nhà đầu tư	-	8.686.084.000
<b>Cộng</b>	<b>159.263.869.423</b>	<b>88.481.307.569</b>

### 7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	7.174.191.997	9.123.513.913
- Chi phí vật liệu bao bì	35.082.642	12.140.971
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	8.142.750
- Chi phí khấu hao TSCĐ	29.735.196	7.617.120
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.015.514.896	21.082.746.278
- Chi phí khác bằng tiền	17.233.754.606	23.743.217.473
<b>Cộng</b>	<b>44.488.279.337</b>	<b>53.977.378.505</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	33.968.815.567	32.702.559.726
- Chi phí vật liệu	91.704.327	73.499.937
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	676.387.669	445.592.837
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ	10.348.703.849	11.102.534.763
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	18.118.528
- Chi phí dự phòng	5.642.232.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.517.173.058	5.206.550.600
- Chi phí bằng tiền khác	19.301.610.450	29.299.735.851
<b>Cộng</b>	<b>77.550.626.920</b>	<b>78.848.592.242</b>

### 7.7 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập do bán phế liệu, phế phẩm	445.064.546	2.058.586.654
- Thuế tự vệ được hoàn	767.223.587	734.269.920
- Thu bảo hiểm bồi thường	1.948.289.133	3.507.133.689
- Nhận bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế	-	859.632.059
- Xử lý công nợ	152.600.210	2.093.571.352
- Thu nhập khác	-	55.235.929
<b>Cộng</b>	<b>3.313.177.476</b>	<b>9.308.429.603</b>

### 7.8 CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí bán phế liệu, phế phẩm	1.111.084.921	1.008.566.140
- VAT đầu vào của hàng hóa hao hụt không được bảo hiểm bồi thường	-	150.343.108
- Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	301.214.511	90.540.498
- Bồi thường hợp đồng kinh tế	-	243.339.761
- Xử lý công nợ	6.423.233	125.382.324
<b>Cộng</b>	<b>1.418.722.665</b>	<b>1.618.171.831</b>

### 7.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	3.449.831.081.274	4.227.402.157.428
- Chi phí nhân công	20.674.818.785	17.259.126.536
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.788.271.230	32.845.744.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.814.229.343	33.945.750.334
- Chi phí bằng tiền khác	42.986.285.037	53.831.903.879
<b>Cộng</b>	<b>3.572.094.685.669</b>	<b>4.365.284.682.677</b>

598  
NG  
V&T  
3 NGH  
THU  
IET  
G

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM  
TÀI CHÍNH



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh Chi phí Thuế TNDN của các năm trước theo biên bản quyết toán vốn Nhà nước và thanh tra Bộ tài chính	-	116.371.363
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>116.371.363</b>

### 8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

#### 8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

#### 8.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.814.775.613.389	3.651.662.982.268

#### 8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.257.121.030.538	3.750.695.717.720

### 9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

9.3 Thông tin về các bên liên quan

#### 9.3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Dầu thực vật Tường An	Công ty con
Công ty CP Trích ly Dầu thực vật	Công ty con
Công ty CP Thương mại Dầu thực vật	Công ty con
Công ty CP Dầu thực vật Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG - Vina	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết
Công ty TNHH DTV Khu vực miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Kinh Đô	Tổng công ty là Công ty liên kết

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

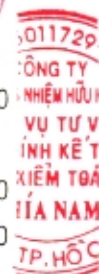
### 9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt	8.279.359.000	2.592.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.279.359.000</b>	<b>2.592.000.000</b>

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An</b>			
	Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	2.447.875.640.859	3.055.035.080.306
	Đã thu tiền hàng	2.521.395.775.184	3.122.712.722.766
	Cổ tức được chia	-	15.487.840.000
	Đã thu tiền cổ tức	22.263.774.600	15.487.840.000
<b>Công ty cổ phần Trích ly Dầu thực vật</b>			
	Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	137.242.957.006	210.269.290.771
	Đã thu tiền hàng	192.395.043.022	190.538.343.648
	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	8.164.575.664	-
	Đã trả tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu	8.164.575.664	-
	Đã thu tiền cổ tức	2.927.400.000	3.570.000.000
	Phải trả tiền thuế được hoàn	1.574.385.444	-
	Phải trả tiền thuê xe	-	516.000.000
	Đã trả tiền thuê xe	-	516.000.000
<b>Công ty cổ phần Thương mại Dầu thực vật</b>			
	Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	56.460.360.112	72.411.975.875
	Đã thu tiền hàng	61.790.522.069	74.796.163.738
	Mua hàng	2.163.222.369	8.480.153.387
	Trả tiền mua hàng	2.163.222.369	8.480.153.387
	Cổ tức được chia	-	198.900.000
	Đã thu tiền cổ tức	612.000.000	198.900.000



*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình

Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	601.954.318.044	878.853.363.889
Đã thu tiền hàng	676.025.381.961	916.675.989.305
Phí dịch vụ phải trả	4.244.980.847	5.509.385.090
Đã trả phí dịch vụ	4.244.980.847	5.509.385.090
Phải trả tiền mua TSCĐ, chi phí sửa chữa kho	1.043.174.660	-
Đã trả tiền mua TSCĐ, chi phí sửa chữa kho	1.043.174.660	-
Đã thu tiền cổ tức	1.114.938.449	-

### Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè

Bán nguyên liệu, hàng hóa, thành phẩm	-	48.007.270.520
Đã thu tiền hàng	-	48.007.270.520
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	877.802.669	23.162.336.531
Đã trả tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2.095.675.450	21.944.463.750
Phí dịch vụ và các khoản có liên quan	5.827.572.451	9.587.857.532
Đã thu phí	5.683.807.036	9.663.276.518
Cho mượn hàng, trả hàng mượn	8.606.619.128	8.451.546.640

### Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân

Phải thu tiền gia công	58.694.188.388	65.628.860.291
Đã thu tiền gia công	59.262.233.298	76.241.324.003
Lợi nhuận được chia bằng tiền	156.681.248.116	150.805.893.546
Lợi nhuận được chia để lại tăng vốn điều lệ	-	45.943.127.612
Đã thu tiền từ lợi nhuận được chia	82.945.489.967	70.298.758.425

### Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA

Đã thu tiền cổ tức	4.800.000.000	6.800.000.000
--------------------	---------------	---------------

### Công ty CP Bao bì Dầu thực vật

Mua hàng	6.144.254.398	5.162.706.682
Đã trả tiền mua hàng	5.716.789.338	5.937.921.936
Đã thu tiền cổ tức	7.065.600.000	-

### Công ty CP Tập đoàn Kinh Đô

Phải thu tiền gia công	189.077.270.370	-
Đã trả tiền gia công	177.449.455.866	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An</b>			
	Phải thu tiền hàng	282.838.056.468	356.358.190.793
	Phải thu cổ tức	-	22.263.774.600
<b>Công ty cổ phần Trích ly Dầu thực vật</b>			
	Phải thu tiền hàng	-	55.152.086.016
	Phải thu cổ tức	-	2.927.400.000
	Phải trả tiền thuế được hoàn	1.574.385.444	-
<b>Công ty cổ phần Thương mại Dầu thực vật</b>			
	Phải thu tiền hàng	-	5.330.161.957
	Phải thu cổ tức	-	612.000.000
<b>Công ty cổ phần Dầu thực vật Tân Bình</b>			
	Phải thu tiền hàng	-	99.391.986.301
<b>Công ty Dầu ăn Golden Hope - Nhà Bè</b>			
	Phải thu phí dịch vụ	190.475.297	46.709.882
	Phải trả tiền hàng	-	1.217.872.781
<b>Công ty TNHH Dầu Thực Vật Cái Lân</b>			
	Phải thu tiền gia công	2.677.106.872	3.245.151.782
	Phải thu cổ tức	156.681.248.116	82.945.489.967
<b>Công ty TNHH Mỹ phẩm LG-VINA</b>			
	Phải thu cổ tức	-	4.800.000.000
<b>Công ty CP Bao bì Dầu thực vật</b>			
	Phải trả tiền hàng	427.465.060	-
	Phải thu cổ tức	-	7.065.600.000
<b>Công ty CP Tập đoàn Kinh Đô</b>			
	Phải thu tiền gia công	11.627.814.504	-

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty chủ yếu là mua bán nguyên liệu chế biến dầu thực vật và sản xuất dầu thực vật, hoạt động kinh doanh dịch vụ kho cảng, cho thuê mặt bằng chiếm tỷ trọng không đáng kể nên Tổng công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu chủ yếu là doanh thu bán hàng nội địa, doanh thu xuất khẩu là không đáng kể nên Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

### 9.5 QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Tổng công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Tổng công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tổng công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

#### 9.5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

##### a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tổng công ty thường xuyên theo dõi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, cân đối thu chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro ngoại tệ.

##### b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### c. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.5.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### Tổng công ty quản lý rủi ro tín dụng thương mại như sau:

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với khách hàng nước ngoài, Tổng công ty chủ yếu bán hàng theo phương thức thanh toán L/C nên sẽ giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng.

+ Một số trường hợp khác sẽ do Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty xem xét, đánh giá khả năng thanh toán từng khách hàng cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhìn chung, Tổng công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp;

### 9.5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản.

Tổng công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, chi hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	612.231.139.126	3.690.483.044	9.783.071.938	625.704.694.108
Phải trả người bán	210.118.567.602	-	-	210.118.567.602
Phải trả người lao động	13.908.877.499	-	-	13.908.877.499
Chi phí phải trả	4.934.040.817	-	-	4.934.040.817
Các khoản phải trả khác	273.755.361.537	-	-	273.755.361.537
<b>Cộng</b>	<b>1.114.947.986.581</b>	<b>3.690.483.044</b>	<b>9.783.071.938</b>	<b>1.128.421.541.563</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Số đầu năm	Năm 2015			Cộng
	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	
Vay và nợ	1.054.335.989.363	3.690.483.044	10.023.638.850	1.068.050.111.257
Phải trả người bán	44.655.570.836	-	-	44.655.570.836
Phải trả người lao động	18.472.935.010	-	-	18.472.935.010
Chi phí phải trả	4.127.647.440	-	-	4.127.647.440
Các khoản phải trả khác	558.401.639.008	-	-	558.401.639.008
<b>Cộng</b>	<b>1.679.993.781.657</b>	<b>3.690.483.044</b>	<b>10.023.638.850</b>	<b>1.693.707.903.551</b>

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tổng công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tổng công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 9.6 TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.329.190.049	302.909.801.505	85.329.190.049	302.909.801.505
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	1.402.330.208.709	1.401.530.208.709	1.287.378.456.185	1.401.530.208.709
Phải thu khách hàng	337.499.078.031	533.275.208.878	333.246.846.031	533.275.208.878
Trả trước cho người	2.475.636.938	11.920.000	2.475.636.938	11.920.000
Các khoản phải thu khác	164.644.033.390	125.208.226.541	163.254.033.390	125.208.226.541
<b>Cộng</b>	<b>1.992.278.147.117</b>	<b>2.362.935.365.633</b>	<b>1.871.684.162.593</b>	<b>2.362.935.365.633</b>



*Handwritten signature*

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	210.118.567.602	44.655.570.836	210.118.567.602	44.655.570.836
Người mua trả tiền	3.649.532.171	2.021.576.975	3.649.532.171	2.021.576.975
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	625.704.694.108	1.068.050.111.257	625.704.694.108	1.068.050.111.257
Phải trả người lao động	13.908.877.499	18.472.935.010	13.908.877.499	18.472.935.010
Chi phí phải trả	4.934.040.817	4.127.647.440	4.934.040.817	4.127.647.440
Các khoản phải trả	273.755.361.537	558.401.639.008	273.755.361.537	558.401.639.008
<b>Cộng</b>	<b>1.132.071.073.734</b>	<b>1.695.729.480.526</b>	<b>1.132.071.073.734</b>	<b>1.695.729.480.526</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Riêng khoản phải thu khách hàng được Tổng công ty đánh giá lại giá trị hợp lý bằng cách giảm trừ khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Tổng công ty và Tổng công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

5011726  
CÔNG TY  
H NHIỆM HỮU  
VỤ TƯ  
ÍNH KẾ  
XIÊM T  
IÁ N  
TP. HỒ

*Handwritten signature*



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	36,1%	42,6%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	63,9%	57,4%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	47,3%	58,4%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	52,7%	41,6%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,08	0,18
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,50	0,87
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,77	1,11
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,42%	10,81%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,42%	10,81%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	1,9%	17,6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	1,9%	17,6%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,1%	38,7%

### 9.8 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY

### 9.9 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Tổng Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán và đã được điều chỉnh theo Quyết định số 197/QĐ-BCT ngày 15/01/2016 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và Kết luận Thanh tra số 55/ KL-TTr ngày 19/01/2016 về việc thanh tra tài chính tại Tổng công ty.

Việc điều chỉnh số liệu của Báo cáo tài chính năm 2014 ( bao gồm số dư tại ngày 31/12/2014 trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 ) được thực hiện theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài Chính ( sau đây gọi tắt là "TT 127" ) về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Hướng dẫn của TT 127 có một số đặc thù, khác biệt với chế độ kế toán được ban hành theo TT 200. Cụ thể như sau :

- Không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp; (TT 200 yêu cầu thực hiện các nội dung này )

- Thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán; tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2014. ( Năm 2015, Tổng công ty không phải thực hiện nội dung này )

- Cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức tính từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được ghi tăng khoản đầu tư tài chính và tăng thu nhập hoạt động tài chính trong kỳ; ( TT 200 không cho phép )

Do vậy, số đầu năm/ số năm trước của một số chỉ tiêu liên quan đến các nội dung nêu trên không có tính so sánh.

Số liệu trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 sau khi điều chỉnh theo Quyết định số 197/QĐ-BCT ngày 15/01/2016 về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và Kết luận Thanh tra số 55/ KL-TTr ngày 19/01/2016 về việc thanh tra tài chính tại Tổng công ty được trình bày lại như sau :

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2015
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
<b>TÀI SẢN</b>					
1	Tiền	111	302.912.110.505	(2.309.000)	302.909.801.505
2	Hàng tồn kho	141	262.891.908.992	2.309.000	262.894.217.992
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	81.194.133.174	44.014.093.367	125.208.226.541
4	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	998.778.867	47.579.298	1.046.358.165
5	Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐHH	223	(157.413.362.328)	3.239.066.116	(154.174.296.212)
6	Giá trị hao mòn lũy kế BĐSĐT	232	(7.757.768.274)	692.908.241	(7.064.860.033)
7	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	665.776.279.398	199.318.693.511	865.094.972.909
8	Chi phí trả trước dài hạn	261	20.211.208.437	8.505.647.510	28.716.855.946
<b>Tổng cộng điều chỉnh tài sản</b>				<b>255.817.988.043</b>	
<b>NGUỒN VỐN</b>					
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	12.265.442.533	546.136.196.475	558.401.639.008
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	8.126.850.368	4.102.530.000	12.229.380.368
11	Vốn góp của chủ sở hữu	411	674.533.000.000	543.467.000.000	1.218.000.000.000
12	Vốn khác của chủ sở hữu	413	83.139.893.867	(83.139.893.867)	
13	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	496.272.848.687	(496.272.848.687)	
14	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	258.176.503.236	(258.176.503.236)	
15	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	298.492.642	(298.492.642)	
<b>Tổng cộng điều chỉnh nguồn vốn</b>				<b>255.817.988.043</b>	
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1	Giá vốn hàng bán	11	4.228.845.217.134	(4.030.160.592)	4.224.815.056.542
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	129.033.904.550	4.030.160.592	133.064.065.142
3	Doanh thu hoạt động tài chính	21	352.304.507.450	199.318.693.511	551.623.200.961
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	260.031.133.684	203.348.854.103	463.379.987.787
5	Chi phí khác	32	1.590.490.050	27.681.781	1.618.171.831
6	Lợi nhuận khác	40	7.717.939.553	(27.681.781)	7.690.257.772
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	267.749.073.237	203.321.172.322	471.070.245.559
8	Chi phí thuế TMDNHH	51	-	116.371.363	116.371.363
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	267.749.073.237	203.204.800.959	470.953.874.196

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2015
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ</b>					
1	Lợi nhuận trước thuế	01	267.749.073.237	203.321.172.322	471.070.245.559
2	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.087.976.226	(4.030.160.592)	21.057.815.634
3	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(324.765.474.161)	(199.318.693.511)	(524.084.167.672)
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.145.463.319	(27.681.781)	12.117.781.538
5	(Tăng)/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(107.683.445.949)	27.681.781	(107.655.764.168)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	953.400.923.939	(953.400.923.939)	
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(976.313.566.487)	953.171.570.340	(23.141.996.147)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(63.503.320.541)	(231.662.599)	(63.734.983.140)
9	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	953.400.923.939	953.400.923.939
10	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(953.171.570.340)	(953.171.570.340)
11	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(99.032.735.452)	229.353.599	(98.803.381.853)

Người lập biểu



TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG

Kế toán trưởng



HỒ MINH SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU